

Năm 1996 là một năm có nhiều thay đổi về lãi suất và điều đáng ghi nhận là: 4 lần thay đổi lãi suất là 4 lần kéo lãi suất giảm xuống. Tính đến tháng 10.1996 lãi suất trần chỉ còn 15%/năm, nếu so với mức lãi suất 25%/năm trước 1.1.1996 thì lãi suất trần 10.1996 giảm 40%. Đó là một biểu hiện của sự điều hành khá sát sao về chính sách lãi suất, chứng minh sự thành công của năm 1996: tỉ lệ lạm phát giảm, tiền tệ ổn định, tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định. Việc giảm liên tục lãi suất cho vay đã tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể kinh tế mở rộng phạm vi sử dụng vốn vay ngân hàng vào hoạt động sản xuất kinh doanh, rút ngắn khoảng cách chênh lệch giữa lãi suất cho vay nội tệ và lãi suất cho vay ngoại tệ, hạn chế được những tiêu cực trong kinh doanh chênh lệch giá giữa 2 đồng tiền.

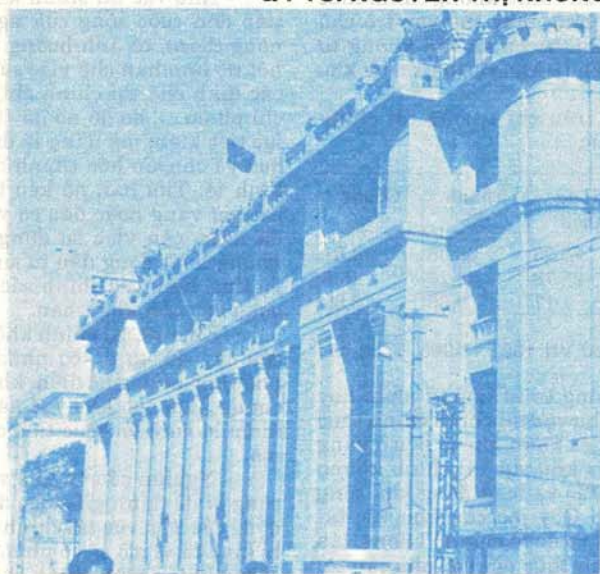
Một dấu mốc cũng không thể quên trong việc thay đổi lãi suất năm 1996 là mối quan hệ giữa lãi suất cho vay dài hạn và lãi suất cho vay ngắn hạn được lập ngược lại lãi suất cho vay dài hạn đã lớn hơn lãi suất cho vay ngắn hạn. Một nguyên tắc tưởng chừng như hiển nhiên nhưng trong thực tế nó lại chưa một lần được thừa nhận. Đây là một chuyển biến tích cực khuyến khích các ngân hàng thương mại mạnh dạn hơn trong việc huy động vốn và cho vay trung - dài hạn, góp phần thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

Việc xóa bỏ quy định khung lãi suất tiền gửi, chỉ giới hạn lãi suất trần trong cho vay cũng là một cách khai thông hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại, giúp các ngân hàng thương mại có thể chủ động hơn, linh hoạt hơn trong việc điều chỉnh lãi suất tiền gửi và lãi suất cho vay theo tín hiệu thị trường.

Bên cạnh những thành công, việc điều hành

CHÍNH SÁCH LÃI SUẤT VÀ CHÊNH LỆCH GIỮA LÃI SUẤT CHO VAY VÀ LÃI SUẤT TIỀN GỬI

PTS. NGUYỄN VĂN LƯƠNG
& PTS. NGUYỄN THỊ NHUNG



chính sách lãi suất cũng không tránh khỏi những hạn chế đáng tiếc, đó là

1. Sự thay đổi lãi suất tiền gửi một cách bất thường trong hệ thống ngân hàng thương mại:

Vào giữa năm 1996 lãi suất tiền gửi giảm đồng loạt ở các ngân hàng thương mại, đến cuối năm 1996 lãi suất tiền gửi được đồng loạt nâng lên. Phải thừa nhận rằng việc tăng hay giảm lãi suất là những biểu hiện bình thường, tùy thuộc vào điều kiện và nhu cầu về vốn của mỗi ngân hàng trong từng thời kỳ mà họ có thể tăng hoặc giảm lãi suất tiền gửi trong khuôn khổ các qui định về lãi suất của Ngân hàng nhà

nước và vẫn đảm bảo duy trì được hoạt động kinh doanh của mình. Song sự giảm đồng loạt (vào giữa năm 96), rồi lại tăng đồng loạt (vào cuối năm 96) là một nghịch cảnh trong môi trường kinh tế có lạm phát thấp và mức tăng trưởng kinh tế ổn định. Vào giữa năm 96 vì lãi suất trần giảm và nguồn vốn tồn đọng cao nên các ngân hàng thương mại đều giảm lãi suất, đó là những lý do chính đáng, song điều đáng nói ở đây đi kèm với việc xóa bỏ các hình thức huy động vốn có thời hạn. Những kỳ hạn gửi tiền vốn dĩ đã rất ngắn: 6 tháng, 9

tháng, cũng không còn được các ngân hàng chấp nhận nữa, thậm chí ngay cả loại tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng cũng có ngân hàng từ chối. Dân chúng xôn xao không biết nên chuyển vốn đầu tư vào đâu khi thị trường bất động sản thì đang chững lại, và lại rủi ro rất cao, thị trường chứng khoán thì chưa có, hui hè thì dễ đổ vỡ, chỉ còn một nơi duy nhất có thể yên tâm tìm nguồn sinh lời cho số tiền tích lũy của mình, đó là ngân hàng thì ngân hàng lại cũng tháo lui. Đến cuối năm 96, nhu cầu về vốn lại rộ lên. Ngay cả những người dân bình thường cũng có thể hiểu được điều đơn giản này, vì người ta thấy lãi suất của các ngân hàng tăng lên, lãi suất kỳ hạn 3 tháng từ 0,6%/tháng được kéo lên thậm chí đến 1%/tháng. Các kỳ hạn gửi tiền lại đa dạng như trước, ngân hàng lại nhận tiền gửi 6 tháng, 9 tháng và tiền gửi 13 tháng - loại kỳ hạn trước đây không có. Vâng, đối với người gửi tiền thì lãi suất tiền gửi cao là tốt, song sự bất bình thường trong điều chỉnh lãi suất như vậy sẽ gây một cảm giác không yên tâm: có vẻ như ngân hàng thiếu một định hướng chiến lược cho hoạt động của mình.

2. Nâng lãi suất tiền gửi thanh toán - điều không nên làm

Trong số các lãi suất tiền gửi được nâng lên thì lãi suất tiền gửi thanh toán đáng được quan tâm nhất. Xét về bản chất, tiền gửi thanh toán là những khoản tiền gửi mà người ký thác nhằm mục đích đảm bảo sự an toàn và thuận tiện trong giao dịch, thanh toán chứ không phải để hưởng lãi. Ở hầu hết các nước trên thế giới người ta không trả lãi cho loại tiền gửi này. Ở VN, do muốn tạo thói quen thanh toán qua ngân hàng, do lãi suất các loại tiền gửi khác cũng khá cao...nên chúng ta đã trả một tỉ lệ lãi nhất định cho tiền gửi thanh toán, song cho dù có trả lãi thì định hướng cho loại tiền gửi này vẫn là: dần dần tiến tới xóa bỏ việc trả lãi. Nhìn lại lãi suất

tiền gửi thanh toán ở nước ta mới thấy diễn biến của nó phức tạp, không theo một qui luật nào và gần như không có một định hướng nào cho nó: từ 0,1%/tháng lên 0,5%; 0,7% rồi xuống dần trở lại 0,1% và đến cuối năm 96 cùng với các loại lãi suất khác, nó lại được tăng lên ở tất cả các ngân hàng: 0,4% và có ngân hàng trả 0,5%; 0,7% tháng. Khi lãi suất tiền gửi tăng lên, không cần có thói quen thì mọi người vẫn dễ dàng chấp nhận, nhưng khi giảm xuống thì quả là người ta không dễ dàng quen một chút nào. Sau khi lãi suất đã được kéo tụt trở lại 0,1%/tháng, tất cả có vẻ như yên vị rồi, mọi người đã quen rồi (từ tháng 1.1996 đến 10.1996) thì chiến dịch lãi suất cuối năm 1996 lại bật tung nó lên. Các ngân hàng tỏ ra có một sự cạnh tranh khá quyết liệt đối với nguồn vốn có chi phí rẻ nhất này. Một sự cạnh tranh không có cầm cương, không có định hướng đã dẫn đến một kết quả đáng tiếc: làm mất đi một thói quen đang được nuôi dưỡng - đã là tiền gửi thanh toán thì chỉ có lãi suất khuyến khích (thấp) thậm chí không trả lãi.

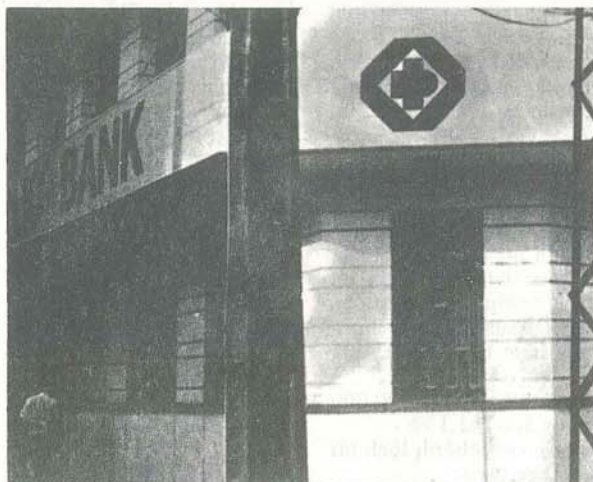
3. Chênh lệch 0,35% giữa lãi suất cho vay bình quân và lãi suất tiền gửi bình quân

Đây là một quy định gây ra nhiều cuộc tranh luận sôi nổi trên các báo, tạp chí kể cả trong ngành lẫn ngoài ngành,

Y kiến ủng hộ qui định này cho rằng: chênh lệch 0,35% có tác dụng bảo vệ người gửi tiền và mức khống chế 0,35% sẽ có tác dụng khuyến khích các ngân hàng quan tâm hơn đến chất lượng quản lý, ngân hàng nào quản lý tốt, tiết kiệm được chi phí thì lợi nhuận cao, ngược lại ngân hàng nào quản lý kém, để chi phí phát sinh nhiều thì lợi nhuận thấp. Song theo chúng tôi, sử dụng cái thước đo chung 0,35% này cho tất cả các ngân hàng là việc làm không hợp lý và cách lý giải như trên còn nhiều điều chưa thật kín kẽ.

Thứ nhất: chênh lệch lãi suất 0,35% áp dụng chung cho tất cả các ngân hàng, có khác nào khoác cho tất cả mọi người lớn bé, già trẻ, mập ốm một cái áo có cùng cỡ số.

Mỗi lĩnh vực hoạt động khác nhau thì nhu cầu chi phí khác nhau; có những loại chi phí phát sinh do điều kiện, hoàn cảnh cụ thể, chúng ta có muốn cắt giảm cũng không được, như trong lĩnh vực nông nghiệp, chi phí hoạt động cho vay và huy động vốn có phần tốn kém hơn các lĩnh vực khác. Bởi trong lĩnh vực nông nghiệp có nhiều đối tượng vay vốn nằm rải rác phân tán, đặc biệt là cho vay hộ nông



dân, không những thế, những khoản vay phát sinh thường rất nhỏ... các ngân hàng hoạt động trong lĩnh vực này phải chấp nhận một thực tế khách quan: doanh số cho vay thì thấp mà chi phí lại rất tốn kém. Các chi phí này phát sinh một cách tự nhiên, hoàn toàn không phải do kết quả của sự quản lý yếu kém, với chi phí cao lại bị khống chế trong giới hạn 0,35%, chắc chắn rằng lợi nhuận sẽ bị thu hẹp lại, và như vậy là không hợp lý. Ngược lại, trong những lĩnh vực có nhiều điều kiện thuận lợi, cũng do khách quan, các khoản cho vay phát sinh thường lớn và tập trung, và vì như thế nên họ tự nhiên

được hưởng mức lợi nhuận cao hơn do chi phí thấp hơn. Như vậy, nếu đặt ngang bằng về khả năng quản lý thì sự chênh lệch về lợi nhuận giữa các ngân hàng là điều khó chấp nhận.

Thứ hai: tạo ra một mặt bằng cạnh tranh bất hợp lý

Chúng ta thừa nhận với nhau rằng, chuyển sang cơ chế thị trường phải chấp nhận cạnh tranh. Song sẽ không có một mặt bằng cạnh tranh thực sự nếu khống chế chênh lệch 0,35% cho các ngân hàng. Ngân hàng nào có lợi thế, do chi phí thấp có thể chấp nhận mức lợi nhuận ngang với các ngân hàng khác để



nâng lãi suất thu hút, giảm lãi suất cho vay.

Như vậy, vô tình chúng ta đã cung cấp thêm sinh khí cho một số ngân hàng và cũng có nghĩa đẩy số còn lại vào tình trạng khó khăn.

Thứ ba: chênh lệch 0,35%, một con số không thực.

Trên thực tế chúng ta không thể tính được chênh lệch thực sự giữa lãi suất cho vay và lãi suất tiền gửi do có sự chênh lệch về thời hạn của tiền gửi, và thời hạn cho vay.

Chúng ta có thể tính được một con số đúng về chênh lệch giữa lãi suất cho vay và lãi suất tiền gửi một khi ngân hàng chỉ là một trung gian chuyển nguyên vẹn một số tiền từ khách hàng gửi tiền sang khách hàng vay tiền trong cùng một khoảng thời gian. Nghĩa là nếu khách hàng nào đó cần vay một số tiền trong một thời gian nhất định, ngân hàng sẽ đi vay của một người khác để chuyển cho khách hàng vay đúng số tiền đó và cũng trong không thời gian đó. Song hoạt động ngân hàng đâu phải như vậy, các kỳ hạn của nguồn vốn trong hoạt động của ngân hàng phần lớn là không phù hợp với kỳ hạn cho vay.

Có những ngân hàng nguồn vốn hoạt động chủ yếu là nguồn không kỳ hạn (60% - 70% tổng nguồn vốn) thì cũng không bao giờ

lại có khoản vay không kỳ hạn phát sinh, cho dù nguồn vốn là không có kỳ hạn thì cho vay vẫn luôn luôn có kỳ hạn. Chức năng chuyển hóa về thời hạn là chức năng tuyệt vời và chứa đựng đầy rủi ro của các ngân hàng thương mại.

Vậy thử hỏi làm sao chúng ta có thể tính được một con số thực về chênh lệch giữa lãi suất cho vay và lãi suất tiền gửi khi mà cả hai đều không có cùng một điểm tựa và hầu như khác biệt nhau về thời điểm và thời gian?

Thứ tư: Chênh lệch lãi suất thực tế không phản ánh đúng chất lượng hoạt động của ngân hàng.

Trong thông tư 05/TT-NH1 ngày 17.8.1996 của Ngân hàng nhà nước VN có hướng dẫn phương pháp xác định lãi suất cho vay và lãi suất tiền gửi bình quân thực tế trong kỳ nhằm kiểm tra việc thực hiện chênh lệch lãi suất tháng. Công thức tính toán này cho thấy:

- Lãi suất cho vay bình quân thực tế tháng phụ thuộc vào tổng số lãi cho vay thu trong tháng.

- Lãi suất huy động bình quân thực tế tháng phụ thuộc vào tổng chi trả lãi tiền gửi trong tháng.

Nhưng trên thực tế việc tính toán tiền lãi cho vay thu trong tháng và số tiền lãi tiền gửi trả trong tháng phụ thuộc vào nhiều yếu tố:

- Có loại cho vay thu lãi 3 tháng 1 lần, có loại cho vay lại thu mỗi tháng 1 lần.

- Có thể thu đủ 100% số lãi phải thu trong kỳ, song có nơi, có vùng, có thời kỳ chỉ thu được 60% hoặc 70% số lãi phải thu.

Có loại tiền gửi, có thời kỳ trả lãi cuối kỳ song nếu có nhu cầu vốn bức xúc, không muốn nâng lãi suất một cách lộ liễu, các ngân hàng có thể công bố mức lãi suất cũ nhưng thay vì trả lãi cuối kỳ thì ngân hàng trả lãi đầu kỳ.

Cách thu lãi cho vay và mức thu lãi cho vay khác nhau, cách trả lãi tiền gửi khác nhau đều làm ảnh hưởng đến lãi suất cho vay

bình quân thực tế và lãi suất tiền gửi bình quân thực tế và sự ảnh hưởng này chắc chắn tác động đến chênh lệch giữa lãi suất cho vay bình quân và lãi suất tiền gửi bình quân.

Chúng ta có thể hiểu rõ vấn đề này qua ví dụ sau:

Giả sử ngân hàng A, tháng 1.1997 có tình hình như sau:

- Tổng số lãi cho vay đến hạn phải thu: 1.200 triệu

- Tổng số dư nợ các loại: 100.000 triệu

- Lãi suất tiền gửi bình quân thực tế: 0,8%

Trường hợp I:

Nếu ngân hàng A thu đủ số tiền lãi là 1.200 triệu, thì lãi suất cho vay bình quân thực tế trong tháng sẽ là:

$1.200 \text{ triệu} / 100.000 \text{ triệu} \times 100 = 1,2\%$

Từ đó ta có mức chênh lệch lãi suất thực tế mà ngân hàng A thực hiện là: $1,2\% - 0,8\% = 0,4\%$.

Trường hợp II:

Ngân hàng A thu không đủ lãi suất cho vay cần phải thu trong tháng 1. Số tiền lãi thực thu chỉ là 1.150 triệu (thiếu 50 triệu). Trong trường hợp này cho ta có lãi suất cho vay bình quân thực tế trong tháng là:

$1.150 \text{ triệu} / 100.000 \text{ triệu} \times 100 = 1,15\%$

Do vậy, chênh lệch lãi suất thực tế là:

$1,15\% - 0,8\% = 0,35\%$

Qua ví dụ trên cho thấy: nếu chỉ nhìn vào số chênh lệch thực tế về lãi suất thì trường hợp 1: ngân hàng A đã chấp hành không tốt mức chênh lệch qui định ($0,4\% > 0,34\%$) nhưng ở trường hợp 2 thì ngân hàng A thực hiện tốt mức khống chế chênh lệch 0,35% giữa lãi suất cho vay bình quân và lãi suất tiền gửi bình quân. Song trong thực tế, đằng sau con số 0,35% ngân hàng A đạt được, nổi lên vấn đề chất lượng tín dụng không tốt bằng trường hợp 1. Rõ ràng khoảng chênh lệch giữa lãi suất cho vay bình quân và lãi suất tiền gửi bình quân không phản ánh được điều gì cả, nó không có tác dụng khuyến khích sự nỗ lực cố

gắng của các ngân hàng, thậm chí còn phản tác dụng và tạo kẽ hở cho các ngân hàng tìm cách đối phó.

Thứ năm: Qui định chênh lệch - 0,35% không có tác dụng bảo vệ người gửi tiền.

Quan tâm đến người gửi tiền là một ý tưởng tốt đẹp trong hoạt động kinh doanh ngân hàng. Mặt khác, bảo vệ người gửi tiền không chỉ có nghĩa là quan tâm đến người gửi tiền mà chính là quan tâm đến sự tồn tại, suy vong của một ngân hàng. Theo cách lập luận của một số người thì khi Ngân hàng nhà nước khống chế chênh lệch 0,35% giữa lãi suất cho vay bình quân và lãi suất tiền gửi bình quân thì các ngân hàng không thể hạ thấp lãi suất tiền gửi, vì hạ lãi suất tiền gửi sẽ làm cho chênh lệch thực tế cao lên. Song nếu suy xét một cách kỹ càng chúng ta sẽ thấy 1,25% cũng chỉ là lãi suất trần thôi chứ không phải là lãi suất bắt buộc. Nếu 1,25% chỉ là lãi suất trần thì khi các ngân hàng có huy động được nguồn vốn có chi phí thấp sẽ là điều kiện để ngân hàng định ra lãi suất cho vay thấp hơn lãi suất trần. Hơn nữa, chỉ trong cơ chế độc quyền mới có thể định ra một mức lãi suất tùy ý thích, còn trong cơ chế cạnh tranh thì việc đưa ra một lãi suất tiền gửi thật thấp chẳng khác nào tự mình giết mình. Và trong thực tế cho thấy vì cạnh tranh thu hút nguồn vốn không kỳ hạn nên các ngân hàng đã thi nhau đẩy lãi suất tiền gửi thanh toán lên.

4. Có nên thay đổi chênh lệch lãi suất 0,35% bằng cách qui định mức chênh lệch khác nhau đối với các ngân hàng khác nhau không?

Câu trả lời là không nên, bởi vì sự phân biệt các loại hình ngân hàng khi đưa ra mức chênh lệch lãi suất chỉ khắc phục được một hạn chế, đó là: thay vì áp dụng chung cho các ngân hàng thì bây giờ quan tâm đến điều kiện hoạt động của các ngân hàng để định ra chênh lệch lãi suất

khác nhau. Song qua phân tích ở phần trên cho thấy, những hạn chế được nêu ra khi nói về mức qui định chênh lệch lãi suất 0,35% không phải chỉ vì nó là con số chung 0,35% mà còn là vì nó là một khoảng cách cứng nhắc, được tạo ra giữa lãi suất cho vay và lãi suất tiền gửi. Cho dù nó là một con số nào thì chúng ta cũng không tính toán được một khoảng chênh lệch thực, cho dù con số nào thì cũng không đánh giá được thực chất chất lượng hoạt động của ngân hàng... không những thế việc cho phép ngân hàng nông nghiệp áp dụng mức chênh lệch lớn hơn các ngân hàng khác, thể hiện sự quan tâm đến loại hình có chi phí cao này, song thực ra lại đẩy ngân hàng nông nghiệp vào một khó khăn mới, đó là: với trần lãi suất cho vay đã được định sẵn rồi thì khoảng chênh lệch rộng hơn giữa lãi suất cho vay và lãi suất tiền gửi chỉ làm cho ngân hàng nông nghiệp buộc phải giảm lãi suất tiền gửi bình quân thấp xuống nữa. Thế cạnh tranh mới này quả là bất lợi cho ngân hàng nông nghiệp.

Tóm lại, những phân tích trên cho thấy trong điều hành chính sách lãi suất, chúng ta đã có nhiều giải pháp tốt song cũng còn một số vấn đề cần được xem xét thêm. Chúng tôi thiết nghĩ cần phải có một định hướng cho chính sách lãi suất, cụ thể:

- Giảm lãi suất tiền gửi thanh toán, dần dần đi đến xóa bỏ lãi suất của loại tiền gửi này.

- Mở rộng khoảng cách giữa lãi suất tiền gửi kỳ hạn ngắn và lãi suất tiền gửi kỳ hạn dài, tạo ra một sức thu hút mới đối với nguồn vốn trung và dài hạn.

- Trước mắt Ngân hàng nhà nước chỉ nên quản lý trần lãi suất cho vay, xóa bỏ hẳn khoảng chênh lệch quy định giữa lãi suất tiền gửi và lãi suất tiền vay, cho dù nó có thể hiện dưới bất cứ hình thức nào.